

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 73/2021/DS-ST
Ngày 15-3-2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Toàn.

Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 606/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: Số X, đường N, Phường Y, Quận Z, thành phố H.

- Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình P1, sinh năm 1979 – Chuyên viên quản lý nợ - Phòng Kiểm Soát Rủi Ro Chi nhánh C (có mặt).

Địa chỉ: Số X, Liên Kế Y, đường M, phường Z, thành phố C, tỉnh C.

Theo giấy ủy quyền số 3977/GUQ-PL ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S và giấy ủy quyền số 1007/2020/GUQ-CNCM ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh C.

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Văn N2, sinh năm 1956 (có mặt).
2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện 13 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Ngân hàng ông Nguyễn Bình P1 trình bày: Ngày 10 tháng 01 năm 2019 ông Huỳnh Văn N2, bà Nguyễn Thị N1 đã ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1900900766 vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh C với số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng; lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng (cho vay góp điều, lãi không giảm trên dư nợ); gốc trả định kỳ hàng tháng với số tiền 1.388.000 đồng và lãi phát sinh trên dư nợ gốc. Trong quá trình vay ông N2, bà N1 đã trả được số tiền gốc 23.708.000 đồng và lãi phát sinh. Sau đó ông N2, bà N1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Ngân hàng thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn N2 trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15 tháng 3 năm 2021 với tổng số tiền là 36.346.010 đồng; trong đó tiền gốc là 26.292.000 đồng, tiền lãi 10.054.010 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết giữa Ngân hàng với ông Huỳnh Văn N2 cho đến khi trả hết nợ, không yêu cầu bà Nguyễn Thị N1 cùng ông N2 trả nợ cho Ngân hàng.

- Tại phiên tòa ông Huỳnh Văn N2 thừa nhận có ký hợp đồng vay Ngân hàng cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 50.000.000 đồng đúng như đại diện Ngân hàng trình bày. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông còn nợ Ngân hàng tổng tiền gốc và lãi là 36.346.010 đồng, ông đồng ý trả cho Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh khó khăn không thể trả tiền theo yêu cầu của Ngân hàng, ông yêu cầu Ngân hàng cho ông trả mỗi tháng gốc và lãi 4.276.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bà N1 không tham gia hòa giải, xét xử và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn N2 trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng cho vay đã ký kết. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị N1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng

hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N1.

[3] Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Huỳnh Văn N2 trả nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu bà Nguyễn Thị N1 cùng ông N2 trả nợ. xét thấy việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của đại diện Ngân hàng không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu ông Huỳnh Văn N2 trả số tiền gốc và lãi: Căn cứ hợp đồng vay số LD1900900766 ngày 10 tháng 01 năm 2019 giữa ông Huỳnh Văn N2 với Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh C thể hiện ông Huỳnh Văn N2 có vay Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng, trong quá trình vay ông N2 đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 23.708.000 đồng, ông N2 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 26.292.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 15 tháng 3 năm 2021 là 10.054.010 đồng. Tại phiên tòa ông N2 thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S và còn nợ Ngân hàng đúng như đại diện Ngân hàng trình bày, ông yêu cầu được trả dần. Xét thấy hợp đồng vay được ký kết giữa ông Huỳnh Văn N2, bà Nguyễn Thị N1 với Ngân hàng Thương mại cổ phần S thể hiện ông N2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng gốc định kỳ hàng tháng với số tiền 1.388.000 đồng, nhưng ông N2 không thực hiện đúng theo thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng. Mặc dù, hợp đồng vay giữa Ngân hàng với ông N2 chưa đến hạn thanh toán nhưng ông N2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vì theo hợp đồng ông N2 có nghĩa vụ trả nợ gốc theo định kỳ hàng tháng mỗi tháng 1.388.000 đồng, nhưng từ tháng 4 năm 2020 đến nay ông N2 không trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, buộc ông Huỳnh Văn N2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15 tháng 3 năm 2021 với tổng số tiền là 36.346.010 đồng; trong đó tiền gốc là 26.292.000 đồng, tiền lãi 10.054.010 đồng.

[5] Đối với yêu cầu ông N2 trả lãi phát sinh sau ngày 15 tháng 3 năm 2021 đến khi trả hết nợ gốc: Yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng cho vay giữa các bên đã ký kết. Căn cứ vào án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TANDTC thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì ông N2 có trách nhiệm trả lãi phát sinh theo hợp đồng giữa các bên đã ký kết kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2021 cho đến khi trả hết nợ gốc.

[6] Về án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí đã nộp tạm ứng án phí là 838.000 đồng được nhận lại. ông Huỳnh Văn N2 là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; áp dụng Điều 91 và Điều 95 luật các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 12 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc ông Huỳnh Văn N2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15 tháng 3 năm 2021 là 36.346.010 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm mười đồng); trong đó tiền gốc là 26.292.000 đồng, tiền lãi 10.054.010 đồng.

Kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2021 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2 . Về án phí:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 838.000 đồng (tám trăm ba mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012144 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Miễn toàn bộ án phí có giá ngạch cho ông Huỳnh Văn N2.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi Cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều